

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 375 /TMBG-BVĐK

V/v: Yêu cầu báo giá mua sắm Vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế cho khoa GPB-TB và khoa Huyết học truyền máu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 11 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm vật tư xét nghiệm, hóa chất, sinh phẩm y tế bổ sung cho Khoa Giải phẫu bệnh và khoa Huyết học truyền máu của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông: Trần Tiến Phi.
 - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.
 - Số điện thoại: 0328.166.996

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư, bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 25 tháng 11 năm 2024 đến trước 17h ngày 05 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
A	Vật tư xét nghiệm, sinh phẩm y tế, hóa chất cho khoa Giải phẫu bệnh tế bào				
1	Giỏ nhuộm tiêu bản	Cái	Giỏ đựng tiêu bản chứa 12 lam đứng, chịu nhiệt		1

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
2	Bể nhuộm chịu nhiệt	Cái	Bể nhuộm chứa các giá nhuộm tiêu bản lam đứng, chịu nhiệt, thể tích 80ml		5
3	Buồng ủ tiêu bản	Cái	- Cấu tạo: nhựa ABS, chịu nhiệt độ từ -20 độ C đến + 60 độ C. Buồng ủ tiêu bản hóa mô miễn dịch, sức chứa 20 lam, nắp buồng không màu, có thể quan sát mẫu bên trong. Buồng kín, khí giúp giữ ẩm cho mẫu ủ		1
4	Micropipette 1-10 μ l	Cái	- Dải thể tích có thể phân phối: 1-10 μ L - Bước điều chỉnh thể tích nhỏ nhất: 0,1 μ L - Sai số cho phép: 10 \pm 0,12 μ L (\pm 1,2%); 5 \pm 0,12 μ L (\pm 2,4%); 1 \pm 0,12 μ L (\pm 12%) - Mức sai số lặp lại: 10 μ L (\leq 0,80%); 5 μ L (\leq 1,60%); 1 μ L (\leq 8,00)		1
5	Micropipette 10-100 μ l	Cái	- Dải thể tích có thể phân phối: 10-100 μ L - Bước điều chỉnh thể tích nhỏ nhất: 1 μ L - Sai số cho phép: 100 \pm 0,8 μ L(\pm 0,8%); 50 \pm 0,8 μ L(\pm 1,6%); 10 \pm 0,8 μ L(\pm 8%) - Sai số lặp lại: 100 μ L(\leq 0,30%); 50 μ L(\leq 0,60%); 10 μ L(\leq 3,00%)		1
6	Micropipette 100-1000 μ l	Cái	- Dải thể tích có thể phân phối: 100-1000 μ L - Bước điều chỉnh thể tích nhỏ nhất: 5 μ L - Sai số cho phép: 1000 \pm 8 μ L(\pm 0,8%); 500 \pm 8 μ L(\pm 1,6%); 100 \pm 8 μ L(\pm 8,0%) - Sai số lặp lại: 1000 μ L(\leq 0,30%); 500 μ L(\leq 0,60%); 100 μ L(\leq 3,00%)		1
7	Đầu côn lọc 0,5-10 μ l	Hộp		96 chiếc/hộp	20
8	Đầu côn lọc 10-100 μ l	Hộp		96 chiếc/hộp	20
9	Đầu côn lọc 100-1000 μ l	Hộp		96 chiếc/hộp	20
10	Ống Eppendorf	Cái	dung tích 1,5ml (Kèm giá đựng)		500
11	Cốc đong	Cái	250ml		1
12	Lamen	Cái	40x22mm		3.000
13	Lam kính tích điện dương	Cái			1.500
14	Bút mỡ	Cái			2
15	Bộ kháng thể 2	Bộ		100ml	1
16	Dung dịch bậc lộ 3 trong 1 nồng độ 20X	Chai		1000ml	1
17	Dung dịch rửa nồng độ 20X	Chai		1000ml	1
18	CK5/6	Lọ		15ml	1

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
19	TTF1	Lọ		15ml	1
20	CK7	Lọ		15ml	1
21	Napsin A	Lọ		15ml	1
22	CDX2	Lọ		15ml	1
23	CK20	Lọ		15ml	1
24	Synaptophysin	Lọ		15ml	1
25	Chromogranin	Lọ		15ml	1
26	S100	Lọ		15ml	1
27	Desmin	Lọ		15ml	1
28	CD 117	Lọ		15ml	1
29	ER	Lọ		15ml	1
30	PR	Lọ		15ml	1
31	Her-2	Lọ		15ml	1
32	Ki 67	Lọ		15ml	1
33	CK	Lọ		15ml	1
34	CD 3	Lọ		15ml	1
35	CD 20	Lọ		15ml	1
36	CD45	Lọ		15ml	1
B	Vật tư xét nghiệm, hóa chất, sinh phẩm y tế cho khoa Huyết học truyền máu				
I	Vật tư, sinh phẩm				
1	Hồng cầu mẫu dùng cho định nhóm máu ABO	Hộp	+ Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ A1 và B dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu	Hộp (2x10ml)	60
2	Bộ kit định danh kháng thể bất thường	Hộp	+ Thành phần: Chứa hỗn dịch tế bào hồng cầu người nhóm máu O nồng độ 0,8%. Sản phẩm đã sẵn sàng để sử dụng. Tính năng: Định danh kháng thể bất thường	Hộp (11x5ml)	12
3	Bộ kit hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	Hộp	+ Thành phần: Chứa hỗn dịch tế bào hồng cầu người nhóm máu O nồng độ 0,8%. Sản phẩm đã sẵn sàng để sử dụng. Tính năng: Sàng lọc kháng thể bất thường	Hộp (3x10ml)	60
II	Hóa chất				

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
1	Gel card 6 giếng làm định nhóm máu bằng 2 phương pháp huyết thanh và hồng cầu mẫu	Card	Giếng 1 chứa Anti A (dòng 11H5) – Giếng 2 chứa Anti B (dòng 6F9) – Giếng 3 chứa Anti D (IgM) (VI-) (dòng P3x61+ TH-28) - Giếng 4 (Ctrl/Neutral) để định nhóm máu cho bệnh nhân và túi máu; Giếng 5 (A1/Neutral) - Giếng 6 (B/Neutral) để định nhóm máu ngược hoặc chéo cho khối tiểu cầu và huyết tương - Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC	24 card/ hộp	40.320
2	Gel card 6 giếng làm xét nghiệm bảo đảm hòa hợp miễn dịch truyền máu	Card	Giếng 1 chứa Anti-A (Dòng 11H5) - Giếng 2 chứa Anti-B (Dòng 6F9) - Giếng 3 chứa Anti-D (IgM) (VI-) (Dòng P3x61 + TH-28) - Giếng 4 chứa Gel trung tính – Giếng 5 và giếng 6 chứa AHG (Anti Human IgG và Anti C3D dòng 12011D10) - Dùng định nhóm máu bệnh nhân và nhóm máu túi máu; làm phản ứng hòa hợp miễn dịch truyền máu ở môi trường muối sinh lý, nhiệt độ phòng xét nghiệm 20 độ C - 24 độ C và môi trường có sử dụng huyết thanh kháng globulin ở nhiệt độ 37 độ C; và xét nghiệm tự chứng. - Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC	24 card/ hộp	15.528
3	Gel card 6 giếng xét nghiệm sàng lọc, định danh KTBT và làm phản ứng hòa hợp	Card	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa kháng thể Anti Human IgG và kháng thể đơn dòng Anti C3d (dòng 12011D10). Dùng làm xét nghiệm Coombs trực tiếp; Coombs gián tiếp bao gồm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh KTBT. - Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC	24 card/ hộp	4.464
4	Gel card 6 giếng xét nghiệm trong môi trường muối	Card	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa gel trong dung dịch đệm thích hợp; Dùng làm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh KTBT, định nhóm máu theo phương pháp hồng cầu mẫu. - Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	24 card/ hộp	238
5	Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu	ml	Dung dịch đệm lực ion thấp, với nồng độ Natri clorid thích hợp, phù hợp để sử dụng với gelcard dùng cho xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu. - Bảo quản: 2 - 8 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	500 ml/ chai	91.000

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
6	Khay giếng sâu pha loãng	Khay	Khay 96 giếng dùng pha loãng hồng cầu - Kích thước: 121,9mm x 84,8mm x 30,1mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	96 giếng/ khay	100
7	Dung dịch rửa kim	chai	0.1 mol/l Sodium Hydroxide Solution (N/10) - Dung dịch dùng khử trùng kim hút - Thành phần: Sodium hydroxide (0~1%); Nước (> 99%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Chai 1 lít	20
8	Kim hút mẫu	chiếc	Chiều dài 160 mm Đường kính ngoài kim 1,81 mm Đường kính trong 1,45 mm Chất liệu thép không rỉ, được phủ teflon để hạn chế nhiễm khuẩn, nhiễm chéo	Hộp 1 chiếc	2
9	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	Thùng	- Sử dụng để đo số lượng và kích cỡ của RBC và tiểu cầu - Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02% - Bảo quản: 2 - 35 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - TCCL: ISO 13485	20L x 1	300
10	Hóa chất ly giải hồng cầu nhằm xác định nồng độ huyết sắc tố	Hộp	- Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố trong máu - Thành phần: Sodium Lauryl Sulfat 1.7g/L - Bảo quản: ở 1 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. - TCCL: ISO 13485	500 ml x3	44
11	Hoá chất ly giải dùng để phân tích số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng và tỉ lệ phần trăm tế bào hồng cầu nhân	Hộp	-Công dụng: sử dụng để phân tích số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng và tỉ lệ phần trăm tế bào hồng cầu nhân - Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.20%; Nonionic surfactant 0.10% - Bảo quản: 2 - 35 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - TCCL: ISO 13485	5L x 1	39

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
12	Hóa chất ly giải dùng phân tích các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ura axit	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng: Được dùng để phân tích số lượng và tỉ lệ phần trăm bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono và bạch cầu ura axit. - Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17% - Bảo quản: 2 - 35 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày - TCCL: ISO 13485 	5L x 1	38
13	Hoá chất nhuộm dùng để phân tích số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng hồng cầu nhân	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> Công dụng: sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu. Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Polymethine 0.005%; Ethylene Glycol 99.9% - TCCL: ISO 13485 	82mL x 2	29
14	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng: sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu. Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày -Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9% - TCCL: ISO 13485 	42mL x 2	31
15	Hóa chất rửa máy huyết học	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng: được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy phân tích huyết học. - Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ clo 5.0%) - Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp - TCCL: ISO 13485 	4mL x 20	43
16	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Mức 1	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> Công dụng: được sử dụng như vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm soát chất lượng nội bộ trên hệ thống máy phân tích huyết học - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, tế bào bạch cầu, hồng cầu nhân và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C - TCCL: ISO 13485 	3.0mL x 1	49

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
17	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Mức 2	Lọ	Công dụng: được sử dụng như vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm soát chất lượng nội bộ trên hệ thống máy phân tích huyết học - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, tế bào bạch cầu, hồng cầu nhân và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C - TCCL: ISO 13485	3.0mL x 1	49
18	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Mức 3	Lọ	Công dụng: được sử dụng như vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm soát chất lượng nội bộ trên hệ thống máy phân tích huyết học - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, tế bào bạch cầu, hồng cầu nhân và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C - TCCL: ISO 13485	3.0mL x 1	49
19	Chất hiệu chuẩn huyết học	Lọ	Công dụng: Chất hiệu chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 4 giờ Thành phần: tế bào hồng cầu của người, tế bào bạch cầu của người, tiểu cầu và thành phần hồng cầu nhân trong môi trường có chất bảo quản. - TCCL: ISO 13485	3.0mL x 1	
20	Kim hút mẫu bệnh phẩm	Cái	- Phù hợp sử dụng cho máy huyết học XN 1000 - Quy cách đóng gói: 01 cái/hộp	01 cái/hộp	4
21	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Hộp	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động - Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0,02 g/L, Imidazole 2,85 g/L	Hộp (10L)	300
22	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	Hộp	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học - Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 5-80 g/L, Sodium Sulfite 1-5 g/L, Chất ổn định, Chất đệm	Hộp (5L)	12
23	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Hộp	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. Thành phần gồm hai loại hóa chất: - Hóa chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm ấm 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2 mL/L - Hóa chất StabiLyse gồm: Sodium Carbonate 6 g/L, Natri clorua 14,5 g/L, Natri sunfat 31,3 g/L	Hộp (1900mL+850mL)	15

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
24	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Hộp	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. - Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein	Hộp (10L)	18
25	Chất chuẩn máy dùng trên máy phân tích huyết học	Hộp	Chất chuẩn dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. - Thành phần: gồm hồng cầu người, thành phần có kích thước tiêu cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương Hồng cầu cố định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu	Hộp (1x3.3mL)	2
26	Dung dịch nhuộm hồng cầu lưới dùng cho xét nghiệm huyết học	Hộp	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động để làm sạch hồng cầu và nhuộm hồng cầu lưới. - Thành phần: + Reagent A- Retic Stain: New Methylene Blue trong dung dịch đệm 0.06% (w/v) + Reagent B- Retic Clear: Sulfuric Acid với chất ổn định 0,15%	Hộp (1900mL+380mL)	2
27	Chất kiểm chuẩn dùng cho XN hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, các thành phần giống hồng cầu lưới đã được ổn định.	Hộp 4 bộ (4x3.5mL Level I; 4x3.5mL Level II; 4x3.5mL Level III)	2
28	Chất kiểm chuẩn cho XN dịch cơ thể dùng trên máy phân tích huyết học	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi và kiểm chứng dải đo của phân tích dịch cơ thể trên máy phân tích huyết học - Thành phần: Hồng cầu người đã qua ổn định và xử lý, thành phần kích thước giống tiêu cầu đã được ổn định, hồng cầu cố định để mô phỏng bạch cầu.	Hộp 4 bộ (4x3.5mL Level I; 4x3.5mL Level II; 4x3.5mL Level III)	2
29	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiêu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân.	Hộp 4 bộ (4x3.5mL Level I; 4x3.5mL Level II; 4x3.5mL Level III)	22
30	Hoá chất xét nghiệm PT	Hộp	Hoá chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động. Một hộp bao gồm: - R1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. - R2: dung môi hòa tan có chứa canxi. TCCL: ISO 13485 Đóng gói: Hộp 12x10ml	Hộp 12x10ml	55
31	Hoá chất xét nghiệm APTT	Hộp	Hóa chất dùng để xác định thời gian Kaolin thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương: Độ lặp lại đo mẫu bình thường: 0.6 CV% Độ lặp lại đo mẫu bất thường: 0.7 CV% Độ tái lặp đo mẫu bình thường: 3.5 CV% Độ tái lặp đo mẫu bất thường: 2.6 CV% TCCL: ISO 13485 Đóng gói: Hộp 6x5ml	Hộp 6x5ml	150

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
32	Hoá chất định lượng Fibrinogen	Hộp	Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. TCCL: ISO 13485 Đóng gói: Hộp 12x4ml	Hộp 12x4ml	35
33	Hóa chất CaCL ₂ dùng cho xét nghiệm đông máu	Hộp	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh TCCL: ISO 13485 Đóng gói: Hộp 24x15ml	Hộp 24x15ml	15
34	Hoá chất dùng pha loãng mẫu cho xét nghiệm Fibrinogen.	Hộp	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đậm) có pH khoảng 7,35. TCCL: ISO 13485 Đóng gói: Hộp 24x15ml	Hộp 24x15ml	20
35	Dung dịch rửa kim máy đông máu tự động	Hộp	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động, bên trên máy 5 ngày, chứa potassium hydroxide nồng độ < 1 % TCCL: ISO 13485 Đóng gói: Hộp 24x15ml	Hộp 24x15ml	47
36	Dung dịch rửa hệ thống máy đông máu tự động	Can	Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động, thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước. Hạn sử dụng 24 tháng ở nhiệt độ 2-25 độ C. Khi đã mở, dung dịch ổn định trong 30 ngày ở nhiệt độ phòng. TCCL: ISO 13485: 2016 Đóng gói: Thùng 6 can x 2,5L	Thùng 6 can x 2,5L	320
37	Hoá chất dùng kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hộp	"Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm D-Dimer, Yếu tố VWF và protein S Free. Cung cấp huyết tương bình thường và bất thường dành cho việc kiểm soát chất lượng các xét nghiệm kháng nguyên bằng phương pháp miễn dịch độ đục. TCCL: ISO 13485: 2016 Đóng gói: Hộp 12x2x1ml	Hộp 12x2x1ml	2
38	Hoá chất định lượng D-dimer	Hộp	Định lượng D-Dimer huyết tương tĩnh mạch bằng phương pháp đo miễn dịch độ đục. Hóa chất gồm: • Thuốc thử 1: 6x5ml dung dịch đậm chứa tác nhân ngăn chặn dị kháng thể (bao gồm yếu tố dạng thấp). • Thuốc thử 2: 6x6ml dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng khác nhau kháng D-dimer người. TCCL: ISO 13485: 2016 Đóng gói: Hộp 6x6ml	Hộp 6x6ml	15

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
39	Cuvette phản ứng kèm bi từ dùng cho máy đông máu tự động	Cuộn	- Cuvette phản ứng trên máy đông máu tự động. Cuvette dạng cuộn, mỗi cuộn chứa 1000 cuvette đơn, các cuvette đơn được làm bằng nhựa trong suốt gắn trên ruy băng, mỗi cuvette chứa 01 viên bi từ được làm bằng thép không gỉ. Sử dụng tương thích trên hệ thống máy đông máu công nghệ Bi từ. TCCL: ISO 13485: 2016 Hộp 6 cuộn x1000 cuvette	Thùng 6 cuộn x 1000 cuvette	100
40	Hoá chất dùng kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu thường quy, dùng cho máy đông máu tự động. Huyết tương người bình thường và bất bình thường có citrated dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, aPTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin TCCL: ISO 13485 : 2016 Đóng gói: Hộp 12x2x2ml	Hộp 12x2x2ml	16
41	Đũa khuấy từ trắng (2x7), dùng trên máy đông máu	Túi	Thanh khuấy từ trắng kích thước 2x7mm dùng cho xét nghiệm PT. Đóng gói 1 thanh/túi, thanh khuấy màu trắng	1 thanh/ túi	1
42	Đũa khuấy từ đỏ (3,2x12,7), dùng trên máy đông máu	Túi	Thanh khuấy từ màu đỏ kích thước 3,2x12,7mm dùng cho hóa chất xét nghiệm APTT. Đóng gói 1 thanh/túi, thanh khuấy màu trắng	1 thanh/ túi	1
43	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm LA	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA), gồm huyết tương kháng đông lupus âm tính và dương tính. TCCL: ISO 13485 : 2016 Hộp 3x2x1ml	Hộp 3x2x1ml	1
44	Hoá chất Sàng lọc kháng đông Lupus	Hộp	Hoá chất xét nghiệm Sàng lọc kháng đông Lupus trên máy đông máu tự động Hộp 12x2ml	Hộp 12x2ml	3
45	Hoá chất khẳng định kháng đông Lupus	Hộp	Hoá chất khẳng định kháng đông Lupus trên máy đông máu tự động. Hộp 12x2ml	Hộp 12x2ml	3
46	Dung dịch rửa máy điện di mao quản	Hộp	Dùng để rửa đầu dò đo mẫu trên hệ thống tự động cho các ứng dụng điện di mao quản. Đóng gói: Hộp 25ml	Hộp 1x25ml	4

STT	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Đơn vị tính	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật cơ bản (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Số lượng
47	Chất kiểm chuẩn Hemoglopin mức bệnh lý	Hộp	Chất đối chứng Hb A2 bệnh học được bảo chế để kiểm soát chất lượng định lượng Huyết sắc tố A2 ở người trong quy trình điện di Hemoglobin. Thành phần: Gồm chất đối chứng Hb A2 bệnh học được lấy từ nhiều mẫu máu người có tỷ lệ Hb A2 gia tăng. Hb A2 bệnh học được bảo quản dưới dạng đông khô ổn định hoá. Hộp gồm 1 lọ x 1ml pathological Hb A2 Control. TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 1x1ml	1
48	Chất kiểm chuẩn Hemoglopin mức bình thường	Hộp	Chất đối chứng Hb A2 thông thường được bảo chế để kiểm soát chất lượng định lượng Huyết sắc tố A2 và đối chứng sự di chuyển của kiểu thức huyết sắc tố ở người trong quy trình điện di Hemoglobin. Thành phần: Gồm chất đối chứng Hb A2 thông thường được lấy từ nhiều mẫu máu người. Hb A2 được bảo quản dưới dạng đông khô ổn định hoá. Hộp gồm 5 lọ x 1ml Normal Hb A2 Control. TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 5x1ml	4
49	Bộ kit điện di Hemoglobin	Hộp	Bộ Kit điện di Minicap Hemoglobin (E) được thiết kế để tách các Hemoglobin bình thường (A,F và A2) và phát hiện các biến thể Hemoglobin chính (đặc biệt là S, C, E hoặc D) bằng kỹ thuật điện di trong dung dịch đệm kiểm (pH9,4) với hệ thống điện di mao quản. TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 6 x 250 ml, 3 x 225 ml, 3 x 25ml	6
50	Dung dịch bảo vệ ngăn vi khuẩn phát triển và lắng cặn ống mao quản trên máy xét nghiệm điện di mao quản.	Hộp	Lọ dung dịch CLEAN PROTECT đậm đặc có chứa chất bảo quản để cất giữ nước cất hoặc nước khử ion dùng để súc rửa mao quản trong hệ thống điện di Hộp 1 lọ x 5ml TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 1x5ml	1
51	Ống đựng chất chuẩn cho các xét nghiệm điện di	Hộp	Ống và nắp để chứa hóa chất kiểm chuẩn trên máy xét nghiệm điện di. Túi gồm 20 ống và nắp. TCCL: ISO 13485 : 2016	Túi 20 ống và nắp	1
52	Bộ kit điện di Protein	Hộp	Bộ kit điện di Protein 2x250ml dùng trên máy điện di mao quản. Hộp 2 lọ x 250ml TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 2x250ml	1
53	Hóa chất kiểm chuẩn điện di protein mức bình thường	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn điện di protein mức bình thường. Hộp 5 lọ x 1ml TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 5x1ml	1
54	Hóa chất kiểm chuẩn điện di protein mức bất thường	Hộp	Hóa chất kiểm chuẩn điện di protein mức bất thường. Hộp 5 lọ x 1ml. TCCL: ISO 13485 : 2016	Hộp 5x1ml	1
55	Ống đo tốc độ lắng máu	Ống	Ống nghiệm máu chân không Citrate 3,2% 1.28ml	Hộp 100 tube	5.000

Tổng số: 94 danh mục

2. Địa điểm cung cấp: Giao hàng tại Kho vật tư – hóa chất của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2024 + Quý I năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không
- Thanh toán 100% sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hàng hóa, hóa đơn và các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên nghiệm thu/thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác: Không có.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; P.VT-TBYT;

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hưng Đạo